

Bản án số: **930/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 – 7 – 2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh;
Bà Trần Thị Bích Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2515/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7196/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: Số A4/109/5, Ấp 1, xã ĐP, huyện BC, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Doan Anh T, sinh năm 1971

Địa chỉ do nguyên đơn cung cấp: Số 207 Iroquois Ave, Louisville, Ky 40214, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 23/01/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017. Sau khi kết hôn, ông Doan Anh T trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, bà Đỗ Thị Kim N sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc qua lại, quan tâm yêu thương nhau, đến tháng 5/2018 vợ chồng không còn liên lạc qua lại, bà N có liên lạc với người thân thì được biết ông Doan Anh T đã kết hôn với người phụ nữ khác tại nước Mỹ (USA), từ đó vợ chồng không còn liên lạc qua lại cho đến nay. Do đó, bà Đỗ Thị Kim N yêu cầu ly hôn ông Doan Anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim N trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Doan Anh T:

Do ông Doan Anh T hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Doan Anh T biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Doan Anh T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T, đồng thời trình bày ý kiến của ông Doan Anh T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim N. Tuy nhiên, ông Doan Anh T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Doan Anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Doan Anh T đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Doan Anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T có thời gian chung sống rất ít, hiện nay vợ chồng không sống chung, mỗi người ở một nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Kim N đối với ông Doan Anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Doan Anh T hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N và bị đơn ông Doan Anh T tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Doan Anh T: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Doan Anh T biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Doan Anh T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T, đồng thời trình bày ý kiến của ông Doan Anh T đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim N. Tuy nhiên, ông Doan Anh T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Doan Anh T. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N đối với bị đơn ông Doan Anh T, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông Doan Anh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Doan Anh T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố H cấp cho bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Đỗ Thị Kim N yêu cầu ly hôn ông Doan Anh T với lý do sau khi kết hôn, ông Doan Anh T trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, bà Đỗ Thị Kim N sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc qua lại, quan tâm yêu thương nhau, đến tháng 5/2018 vợ chồng không còn liên lạc qua lại, bà N có liên lạc với người thân thì được biết ông Doan Anh T đã kết hôn với người phụ nữ khác tại nước Mỹ (USA), từ đó vợ chồng không còn liên lạc qua lại cho đến nay. Đối với ông Doan Anh T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Doan Anh T không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim N và bị đơn ông Doan Anh T cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với bà Đỗ Thị Kim N. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim N ly hôn ông Doan Anh T theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N đối với bị đơn ông Doan Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim N ly hôn ông Doan Anh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố H cấp cho bà Đỗ Thị Kim N và ông Doan Anh T không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị Kim N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0092375 ngày 19/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án*:

Bà Đỗ Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Đỗ Thị Kim N được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Doan Anh T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày ông Doan Anh T được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND HBC, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức**